

## BÁO CÁO PHÂN TÍCH CỔ PHIẾU:

### Bơm Hải Dương - CTB

Ngành: Sản xuất thiết bị điện

#### SƠ LƯỢC DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương là đơn vị lớn nhất Việt Nam chuyên sản xuất và cung cấp: Các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp và tuốc-bin; Xây lắp, sửa chữa các công trình cấp thoát nước; Chế tạo, cung cấp và lắp đặt các công trình điện hạ thế. Sản phẩm của Công ty được khách hàng tin nhiệm và sử dụng rộng khắp trong cả nước, đã xuất khẩu sang các nước trong khu vực ASEAN, Nhật bản, Anh Quốc.

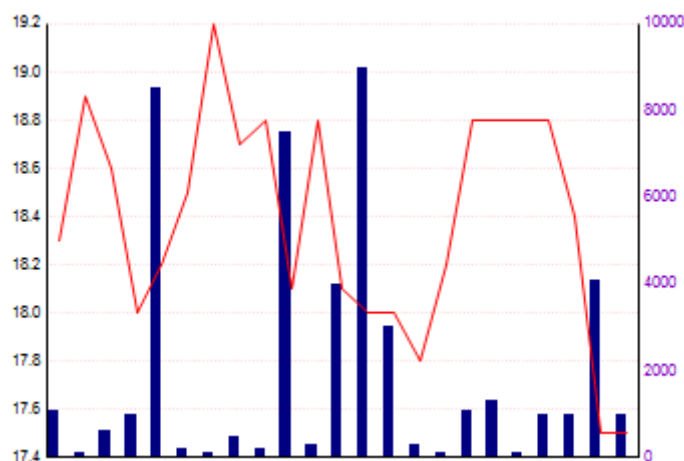
Tỷ lệ sở hữu: Sở hữu NN: 51.0(%); Sở hữu khác: 46.5(%)

CÁC CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG		
Chỉ tiêu:	CTB	Ngành
Ngày niêm yết:	10/10/2006	20(mã)
Số CPLH hiện tại (cp):	1,714,330	557.398.431
Vốn hóa (tỷ đồng):	30,17	8.903,77
EPS (4 Quý gần nhất):	4.787	874
Giá trị sổ sách:	18.501	17.841
P/E (3/11/10)	3.68	19,33
P/B (3/11/10)	1,0	0,90

Giá mục tiêu: 47,700

Khuyến nghị: Mua

Giá tham chiếu ngày (3/11/10): 17.600



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TỶ ĐỒNG)			
Chỉ tiêu	2008	2009	4 quý gần nhất
Doanh thu thuần	66,01	97,46	118,12
Tăng trưởng (%)	25,37	47,65	21,20
Giá vốn hàng bán	-49,50	-76,72	-91,01
Tỷ lệ lãi gộp (%)	25,01	21,28	22,96
Chi phí hoạt động	-10,13	-13,97	-17,77
Lợi nhuận sau thuế	6,03	6,37	8,20
Tăng trưởng (%)	11,84	5,60	28,76
Tổng tài sản	62,78	61,44	56,38
Tăng trưởng (%)	5,65	-2,13	-8,24
Nợ phải trả	34,69	30,93	24,69
Vốn điều lệ	17,14	17,14	17,13
Vốn chủ sở hữu	28,10	30,52	31,69

#### CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Khả năng thanh toán:	ĐVT	2007	Ngành	2008	Ngành	2009	Ngành	4Q	Ngành
Thanh toán hiện hành:	Lần	0,53	1,20	0,53	1,31	0,66	1,17	0,55	1,36
Thanh toán nhanh:	Lần	1,05	1,89	1,27	1,99	1,30	1,69	1,28	1,93
2. Cấu trúc vốn:									
Nợ / Tổng tài sản:	Lần	0,5	0,37	1,00	0,34	0,50	0,39	0,52	0,34
Nợ / Vốn chủ sở hữu:	Lần	1,19	0,60	1,23	0,50	1,01	0,65	1,08	0,52

P/E thị trường ngày (3/11/10):	10,10
Thị giá thị trường ngày (3/11/10):	17.600
Giá cao nhất từ đầu năm 2010:	25,400
Giá thấp nhất từ đầu năm 2010:	17,200
Khối lượng bình quân/phiên trong 01tháng:	2,033

### PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH

Lĩnh vực sản xuất chế tạo bơm có những điều kiện thuận lợi để phát triển ở Việt Nam bởi những yếu tố sau:

- Là nước nông nghiệp (trồng lúa, trồng cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản...), thị trường về thiết bị nông nghiệp nói chung và thiết bị bơm nói riêng là rất lớn.
- Tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu máy bơm phục vụ nước sinh hoạt, nước thải.... tăng nhanh.

Doanh thu của CTB tăng trưởng tốt qua các năm kể từ 2008 đến nay với mức tăng trưởng hơn 20% năm.

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cũng ở mức cao, đặc biệt LNST 3 quý năm 2010 đã là 6,8 tỷ đồng (cả năm 2009 là 6,37 tỷ đồng).

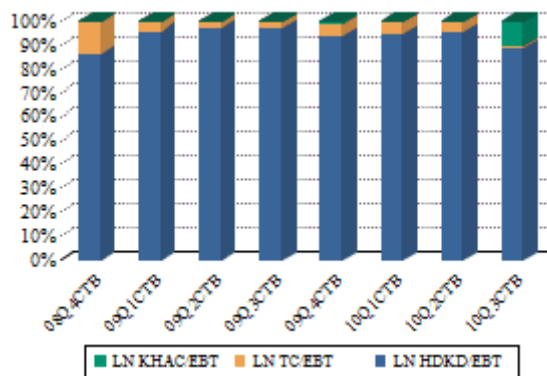
Trong cơ cấu lợi nhuận, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính luôn chiếm hơn 90% (cho thấy công ty luôn chú tâm vào hoạt động chính, không chạy theo trào lưu của các doanh nghiệp niêm yết hiện tại là đầu tư tài chính).

Cơ cấu chi phí của CTB cũng cho thấy nhiều điểm tích cực, chi phí bán hàng đã tăng so với 2009 do khó khăn của thị trường, và nó đã đem lại hiệu quả (doanh thu tăng cao). Trong khi chi phí quản lý đã giảm nhiều. Chi phí tài chính rất thấp trong khi nợ phải trả chiếm 52% tổng nguồn vốn, cho thấy CTB đã có nguồn vay với chi phí thấp (27% nguồn vốn) và lợi dụng được vốn của nhà cung cấp (17% nguồn vốn)

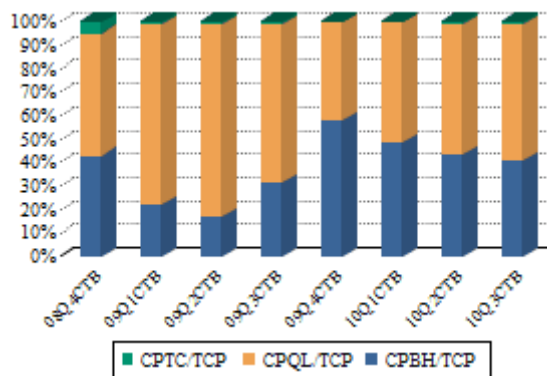
Diễn biến doanh thu cho thấy chiều hướng tích cực trong khi lượng hàng tồn kho được giảm dần.

Một vấn đề đáng lưu ý là nghị quyết ĐHCĐ bất thường diễn ra ngày 11/9/2010 đã ra nghị quyết phát hành 1,37 triệu cổ phiếu tương đương tăng 13,7 tỷ đồng để xây dựng nhà máy nhưng không nói rõ là mở rộng sản xuất hay là chuyển địa điểm (di rời). Điều này sẽ mang lại lợi ích cho công ty về dài hạn nhưng trước mắt, chi phí sẽ tăng và đe dọa lợi nhuận của công ty trong ngắn hạn.

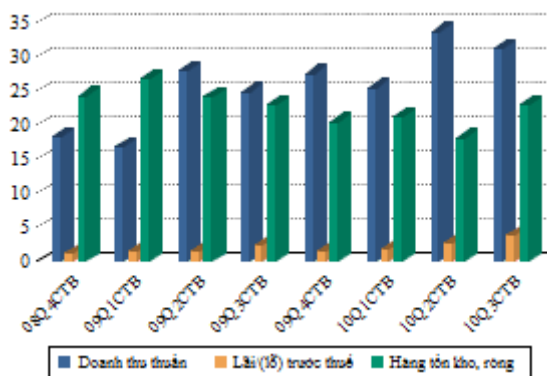
### CƠ CẤU LỢI NHUẬN



### CƠ CẤU CHI PHÍ



### DT - LNTT - HTK ròng



## PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ số Z hiện tại = 3.43 (Doanh nghiệp an toàn)

Chỉ số đo mức độ an toàn tài chính tổng hợp của CTB cho thấy tình hình tài chính của công ty ở mức an toàn.

Khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành của CTB tuy ở mức thấp hơn ngành nhưng điều này không phải là đột biến trong khi hoạt động của công ty vẫn ổn định cho thấy điều này không đáng ngại.

Tỷ lệ nợ của CTB là ở mức cao, tuy nhiên cơ cấu nợ cho thấy chủ yếu là các khoản chiếm dụng vốn (Phải trả nhà cung cấp - chiếm 32% tổng nợ) và Nợ ngắn hạn khác (chiếm 51%). Như vậy, tỷ lệ nợ cao của CTB cũng không đáng ngại.

Chỉ số hiệu quả hoạt động (ROA & ROE) đang có chiều hướng tăng cho thấy hiệu quả hoạt động của CTB là khá tốt.

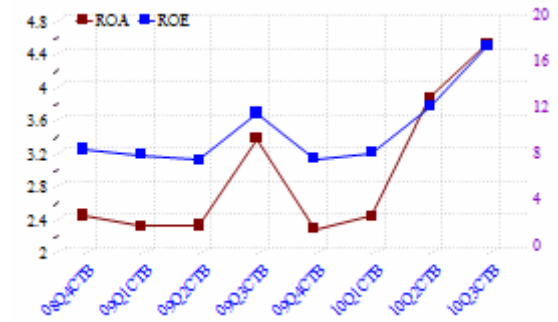
Cổ tức của CTB trả cho cổ đông cũng là rất tốt, năm 2008 có 2 đợt trả cổ tức với tổng tỷ lệ là 22%. Năm 2009 có 3 lần trả cổ tức với tổng tỷ lệ là 23%. Năm 2010, đã có 2 lần trả cổ tức với tổng tỷ lệ là 15%.

EPS ba quý năm 2010 đã đạt hơn 4.500 đồng/cp => P/E hiện tại là 3,68 lần. Nếu cuối 2010, theo đúng kế hoạch, CTB sẽ có tổng cổ phiếu là 3,08 triệu cổ phiếu, khi đó EPS bốn quý gần nhất sẽ là 2.600 đồng/cp. Với giá thị trường ngày 3/11/2010 là 17.600 đồng/cp thì P/E sẽ là 6.76 lần (E/P = 14,8%; vẫn cao hơn lãi suất gửi ngân hàng trong khi chưa tính tới lợi nhuận đóng góp từ khoản vốn tăng thêm).

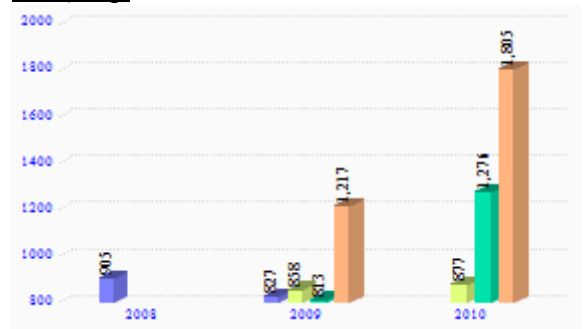
Với tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của CTB, chúng tôi khuyến nghị:

***Có thể xem xét đầu tư vào cổ phiếu CTB với mức giá hiện tại.***

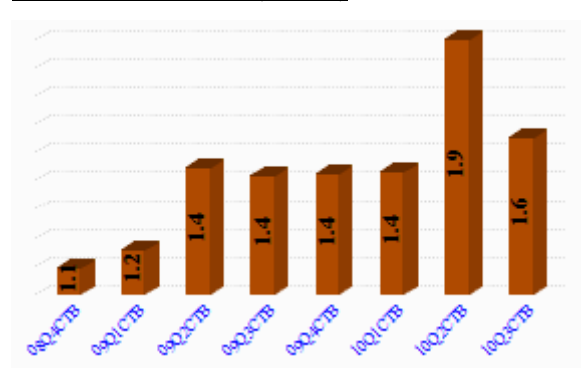
ROA - ROE (%)



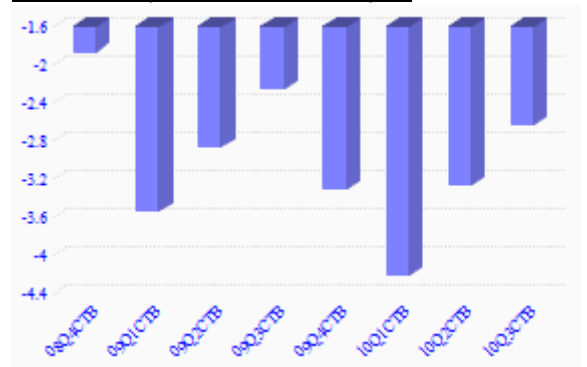
EPS (đồng)



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ Z (Altman)



VỐN DÀI HẠN - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



**CÁC CÔNG TY TRONG NGÀNH (20 CÔNG TY)**
**Sản xuất thiết bị điện**

STT	MÃ CK	Giá (đồng) 3/11/2010	EPS (đồng)			ROA 4 Quý (đồng)	Chỉ số Z tạm tính năm nay	Thặng dư vốn/Cổ phiếu lưu hành	P/E hiện tại
			2008	2009	4 quý gần nhất				
1	CJC	22.700	5.213	6.608	5.534	0,28	1.10	0	4.10
2	PAC	54.000	4.713	7.195	5.524	0,27	5.45	2.807	9.92
3	LGC	27.900	1.828	3.474	4.950	0,24	1.55	6.447	5.64
4	CTB	17.600	3.518	3.715	4.787	0,26	3.43	0	3.68
5	RAL	20.300	4.253	3.169	3.757	0,10	2.05	15.222	5.40
6	NHW	17.900	94	1.899	3.017	0,28	5.34	0	5.93
7	REE	14.600	-1.898	5.353	2.508	0,13	2.53	7.378	8.00
8	VTB	14.700	2.045	2.306	2.329	0,13	3.18	6.288	5.81
9	SMT	10.900	0	0	2.147	0,17	3.33	0	5.08
10	DQC	23.000	86	280	1.926	0,06	1.23	21.683	11.74
11	VBH	14.600	497	768	1.455	0,13	6.93	0	10.04
12	SAM	18.800	-1.161	3.896	1.106	0,03	7.14	24.635	16.50
13	BTH	14.200	1.669	1.698	1.102	0,09	3.29	0	14.60
14	SGT	13.000	1.255	1.203	1.089	0,10	1.39	0	13.13
15	CSG	9.200	48	1.147	875	0,05	3.32	7.919	9.46
16	VHG	16.100	-697	79	843	0,05	4.31	7.000	19.10
17	AME	10.700	46	309	162	0,02	1.93	0	66.08
18	TYA	6.300	-3.871	98	-8	0,00	1.94	0	-794.48
19	TLC	10.000	-5.252	27	-977	-0,06	1.26	9.118	-10.22
20	FPC	7.200	-2.522	-8.889	-12.249	-0,84	-1.55	16.667	-0.59

**Ghi chú:**

Nợ / Tổng tài sản: được tính tại thời điểm cuối quý.

Thặng dư vốn: Được tính tại thời điểm cuối quý.

Cổ phiếu lưu hành: Được tính bình quân 4 quý gần nhất.

Z > 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn; 1.8 < Z < 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo về rủi ro tài chính; Z < 1.8:

Bảo động về rủi ro tài chính

---

**Tuyên bố miễn trách nhiệm**

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TSS dựa vào các nguồn thông tin mà TSS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TSS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Mọi ý kiến phản hồi gọi về số (84-4). 37711666 (số lẻ: 148)**

**Website: [www.tss.com.vn](http://www.tss.com.vn)**